

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/9/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung, chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Khuôn và bà Đặng Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2020/ST-HNGĐ ngày 11/5/2020 “Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐ-ST ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Ngách 50 ngõ 218 Vũ H, khu X, phường Thanh B, TP. Hải Dương, Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn B, sinh năm 1974

ĐKKHKT: Ngách 50 ngõ 218 Vũ H, khu X, phường Thanh B, TP. Hải Dương, Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; trú tại: xã Liên M, huyện Thanh H, Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; trú tại: Xóm B, xã Việt H, huyện Thanh H, Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; trú tại: xóm 1, Cổ C, xã Việt Hồng, huyện Thanh H, Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960; trú tại: Xóm 6, xã Việt H, huyện Thanh H, Hải Dương.

(Có mặt chị A; vắng mặt anh B và những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, TP. Hải Dương vào ngày 23/02/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm, chia sẻ với nhau về công việc, nên thường xảy ra to tiếng, đánh nhau, ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc của hai bên và kết quả học tập của các con. Vợ chồng chị vẫn sống chung một nhà nhưng không ăn, ngủ cùng nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay, vợ chồng không thể hòa hợp, không còn tình cảm nên chị A đề nghị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Bảo K, sinh ngày 12/8/2009 và Phùng Phong N, sinh ngày 16/9/2012. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu N, còn để anh B nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là diện tích đất 51,6m² thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: khu 4, phường TB, TP. Hải Dương được Ủy ban nhân dân TP. Hải Dương cấp GCNQSD đất mang tên anh Phùng Văn B và chị Nguyễn Thị A vào ngày 26/12/2014. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 lợp tôn lạnh. Quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu xem xét chia khối tài sản chung nói trên và giải quyết về số tiền 62.628.966đ chị đã trả cho Ngân hàng S chi nhánh Hải Dương để giải chấp GCNQSD đất. Tuy nhiên, sau khi đưa vụ án ra xét xử, chị A có Đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung với lý do để chị và anh B tự thỏa thuận.

Đối với các khoản nợ mà chị và anh B vay của gia đình nội, ngoại để mua đất, xây nhà. Toàn bộ khoản nợ này chị, anh B và gia đình thống nhất tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phùng Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị A có làm thủ tục đăng ký kết hôn như chị A trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị A không chung thủy, ngoại tình nên không quan tâm đến chồng, con. Anh đã tha thứ cho chị A nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2020 cho đến nay. Nay chị A xin ly hôn với anh, anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị A trình bày là đúng. Quan điểm giải quyết con chung là anh xin được nuôi con lớn, còn để chị A nuôi con bé, anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Anh B xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ

chồng có tài sản chung là nhà, đất ở địa chỉ khu 4, phường TB, TP. Hải Dương như chị A trình bày ở trên. Nay chị A có quan điểm rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và số tiền 62.628.966đ chị A đã trả cho Ngân hàng S chi nhánh Hải Dương mà để anh chị tự thỏa thuận, anh đồng ý.

Đối với các khoản nợ mà anh và chị A vay của 2 bên gia đình để mua đất, xây nhà thì anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quan điểm của các bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H1:* Trong thời gian chị A và anh B chung sống, chị A và anh B có vay của bà Nguyễn Thị Đ 50 triệu đồng; vay của bà Nguyễn Thị M 02 cây vàng 9999; vay của bà Nguyễn Thị H 1,7 cây vàng 9999; vay của mẹ đẻ chị A là bà Nguyễn Thị H1 65 triệu đồng, đến nay đã trả được 15 triệu đồng, hiện còn nợ 50 triệu đồng. Mục đích anh B chị A vay số tiền trên đều để mua đất, xây nhà. Nay chị A và anh B ly hôn, các bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ này trong cùng vụ án, mà để các bên tự thỏa thuận.

** Quan điểm của Ngân hàng S chi nhánh Hải Dương:* Ngày 02/6/2020, khi Tòa án đang giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị A đã trực tiếp trả cho ngân hàng nợ gốc là 60.688.000đ, lãi là 440.966đ, tổng là 61.128.966đ và 1.500.000đ tiền phạt do trả nợ trước hạn, tổng là 62.628.966đ. Hiện khoản vay đã tất toán, GCNQSD đất đã trả lại cho khách hàng nên Ngân hàng không còn quyền lợi gì liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh B; về con chung, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi con bé, còn để anh B nuôi con lớn, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về quan hệ tài sản chung chị xin được rút yêu cầu về chia tài sản chung nhà, đất và xem xét số tiền chị đã trả nợ cho ngân hàng, để các bên tự thỏa thuận, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của chị là hoàn toàn tự nguyện. Đối với các khoản nợ của chị và anh B nợ gia đình nội, ngoại hai bên để các bên tự giải quyết với nhau. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hàng, bị đơn không chấp hàng đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phùng Văn B. Về con chung, giao cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Phong N; giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Bảo K; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Do chị A xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng và anh B đồng ý, nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị A. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, chị A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, giải quyết về con chung, tài sản với anh Phùng Văn B. Hiện anh B đang cư trú tại khu 4, phường TB, TP. Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- Bị đơn anh Phùng Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa. Đến nay, anh B vắng mặt và có quan điểm xin được xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Phùng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NT, TP. Hải Dương vào ngày 23/02/2009. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau về tình cảm không chung thủy nên thường xảy ra xô sát, cãi nhau. Anh chị sống chung một nhà nhưng ly thân, không ăn ngủ cùng nhau và kinh tế độc lập từ tháng 2/2019. Nay chị A yêu cầu được ly hôn, anh B đồng ý. Xét chị A và anh B chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị A và anh B có 02 con chung là Phùng Bảo K, sinh ngày 12/8/2009 và Phùng Phong N, sinh ngày 16/9/2012. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị A. Xét anh B và chị A hiện đều có công việc và thu nhập ổn định, thống nhất việc giải quyết con chung là chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Phong N, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Bảo K. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con, cần chấp nhận sự thỏa thuận trên cho anh chị, giao cho anh chị mỗi người nuôi một con và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung:

Khi thụ lý và giải quyết vụ án, chị A có yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung là nhà, đất và xem xét số tiền chị đã trả nợ cho ngân hàng. Nhưng đến nay, chị A xin rút yêu cầu này để các bên tự thỏa thuận. Ý kiến của anh B đồng ý với việc rút yêu cầu trên của chị A. Xét việc rút yêu cầu chia tài

sản chung của chị A là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của đương sự.

- Về nợ: Số nợ anh B, chị A vay của gia đình, họ hàng hai bên trong thời gian chung sống, chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ý kiến của các bà Đào, Minh, Hoa, Hồng đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền mà các bà cho anh B, chị A vay trong cùng vụ án này, để tự các bên thỏa thuận. Do các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do chị A rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nên hoàn trả lại cho chị A tiền tạm ứng án phí chia sản chung.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chị A tự nguyện chịu cả và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phùng Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Phong N, sinh ngày 16/9/2012; giao cho anh Phùng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phùng Bảo K, sinh ngày 12/8/2009, cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị A và anh Phùng Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị A và anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về chia tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001095 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí 18.000.000đ (mười tám triệu đồng chẵn), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001106 ngày

08/5/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND P. NT, TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà